

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Luật Đầu tư công được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 (sau đây gọi chung là Luật Đầu tư công năm 2024); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 19/2024/L-CTN ngày 02/12/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 27/2023/QH15 và Luật số 38/2024/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Đầu tư công năm 2019) hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103 Luật Đầu tư công năm 2024¹.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024²

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định “Đổi mới toàn diện thể chế quản lý đầu tư công, thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư công”; “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành”.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới yêu cầu “tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến

¹ Khoản 2 và khoản 3 Điều 103 của Luật Đầu tư công năm 2024 quy định:

“Điều 103. Quy định chuyển tiếp

... 2. Đối với các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc phân loại dự án áp dụng theo quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

3. Chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, đã trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14”.

² Tờ trình số 683/TTr-CP ngày 19/10/2024 của Chính phủ về Dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi).

năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025...

- Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/2/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Trung ương Đảng về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại yêu cầu: *“khẩn trương rà soát, sửa đổi, ban hành chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với mục tiêu xây dựng công nghiệp hiện đại đến năm 2030, **nhất là chính sách, pháp luật về đầu tư công**...”*.

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu có phương án giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài...

- Các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các Vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045³ yêu cầu tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng, cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hoá các nguồn lực và hình thức đầu tư...

- Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2024 – 2025 xác định *“tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tập trung rà soát, trình Quốc hội xem xét ban hành Luật Đầu tư công (sửa đổi)... tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV”*; *“xây dựng thể chế phân cấp, phân quyền nhiều hơn nữa và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún....; trong đó ưu tiên bố trí nguồn lực của ngân sách nhà nước cả trung ương và địa phương thực hiện các công trình kết nối các tỉnh, kết nối vùng, kết nối quốc gia, quốc tế; các địa phương phải chủ động tự cân đối nguồn lực của địa phương để đầu tư các dự án thuộc phạm vi tỉnh với tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương*

³ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về vùng đồng bằng sông Hồng; số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về vùng Tây Nguyên; số 24-NQ/TW ngày 22/11/2022 về vùng Đông Nam Bộ; số 13-NQ/TW ngày 5/5/2022 về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

chịu trách nhiệm””.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. Luật quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công. Trong đó, Luật đã quy định nhiều nội dung mới, cải cách, đột phá về tư tưởng và quan điểm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo sự chủ động, linh hoạt và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong quản lý đầu tư công. Luật đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, bố trí vốn có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thiện, đưa vào khai thác, sử dụng nhiều dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng, đường cao tốc, liên vùng, ven biển... Qua đó, tạo kết quả rõ nét trong thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng, thúc đẩy đầu tư tư nhân, mở ra không gian phát triển mới cho cả nước, các ngành, lĩnh vực, các vùng và địa phương.

Tuy nhiên, sau gần 05 năm thực hiện, Luật Đầu tư công năm 2019 cũng đã bộc lộ một số khó khăn, hạn chế, vướng mắc cấp bách cần phải xử lý, tháo gỡ, một số quy định trong Luật chưa đáp ứng, phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đồng thời, Quốc hội cũng đã ban hành các Luật, Nghị quyết để sửa đổi, quy định một số chính sách mới cho các đối tượng, ngành, lĩnh vực; quy định cơ chế, chính sách thí điểm mới, đặc thù cho một số địa phương, dự án. Các cơ chế, chính sách này cần nghiên cứu để luật hóa, cụ thể như sau:

(1) Yêu cầu thực hiện quyết liệt, hiệu quả chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đáp ứng các vấn đề thực tiễn và bối cảnh phát triển mới, tạo sự chủ động, linh hoạt hơn cho các cấp, ngành, địa phương trong điều hành, quản lý đầu tư công.

Trong thời gian qua, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành các Nghị quyết phân cấp cho địa phương để thực hiện một số dự án đầu tư công có quy mô lớn, đường cao tốc, trọng điểm, liên vùng. Đây là những vấn đề “đã chín, đã rõ”, đã phát huy hiệu quả, cần nghiên cứu luật hóa để mở rộng phạm vi áp dụng.

Đồng thời, qua thực tiễn triển khai Luật Đầu tư công năm 2019, một số nội dung có thể nghiên cứu phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn, theo nguyên tắc cấp nào quản lý chương trình, dự án thì cấp đó chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan trong quá trình thực hiện như: cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án phải bảo đảm sự phù hợp với nguồn vốn và khả năng cân đối vốn⁴; phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư

⁴ Khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định trách nhiệm thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, chương trình, dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

dự án nhóm A sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài⁵; phân cấp cho cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư được kéo dài thời gian bố trí vốn ngân sách trung ương⁶; phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương⁷; phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn đã được Quốc hội quyết nghị⁸...

Cùng với đó, cần tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm, đơn giản hóa một số trình tự, thủ tục không cần thiết để giảm bớt thời gian xây dựng, triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Qua đó, đẩy nhanh đưa vốn đầu tư công vào nền kinh tế, hướng tới thực hiện mục tiêu tăng trưởng và các mục tiêu phát triển đặt ra.

(2) Một số nội dung chưa được quy định cụ thể, chưa thực sự rõ ràng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, còn có cách hiểu khác nhau hoặc chưa đồng bộ với một số Luật, Nghị quyết của Quốc hội mới được ban hành, gây khó khăn, vướng mắc, lúng túng trong thực hiện như: các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; nợ đọng xây dựng cơ bản; sử dụng chi thường xuyên cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, duy tu, bảo dưỡng, xây lắp...; thẩm quyền kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đối với nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư; đối tượng đầu tư công quy định tại các Luật Nhà ở, Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Hợp tác xã, Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội về Quỹ hỗ trợ đầu tư...

(3) Quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế, cần nghiên cứu tháo gỡ, thể chế hóa ở tầm Luật như: (i) Chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, một số chương trình, dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư nhiều lần; (ii) Quy định về điều chỉnh kế hoạch hằng năm giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa thực sự linh hoạt, tạo sự chủ động trong điều hành, trong khi việc điều chỉnh kế hoạch hằng năm giữa các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã được phân cấp triệt để; (iii) Việc thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài còn nhiều vướng mắc, tỷ lệ giải ngân thấp; (iv) Đa dạng hóa về hình thức, phương thức quản lý dự án nhằm tận dụng tối đa năng lực quản lý, nguồn lực của địa phương, các thành phần kinh tế khác đã được thực hiện tuy nhiên chủ yếu mới được xử lý theo từng tình huống cụ thể hoặc cho phép thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù tại các Nghị quyết của Quốc hội.

Những vấn đề nêu trên của Luật Đầu tư công năm 2019 cũng đã được Ban chỉ

⁵ Khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

⁶ Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương trong trường hợp không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định của Luật.

⁷ Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương trong trường hợp không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định của Luật. Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn hằng năm.

⁸ Khoản 2 Điều 67 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban (thành lập theo Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ) rà soát, tổng hợp, nghiên cứu sửa đổi⁹.

Những vấn đề khó khăn, hạn chế, vướng mắc nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do bối cảnh, tình hình mới của đất nước từ năm 2020 đến nay; quy mô, tiềm lực, nguồn lực của nền kinh tế không ngừng tăng lên; năng lực quản lý và thực hiện dự án của các bộ, ngành, địa phương, nhất là các dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng được cải thiện đáng kể; yêu cầu đặt ra trong phân cấp, phân quyền, nâng cao sự chủ động, đổi mới, sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; yêu cầu phát triển mới của đất nước trong giai đoạn 2026-2030, thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ, hướng tới thực hiện mục tiêu Chiến lược 10 năm là đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao.

Tại báo cáo của Bộ Chính trị tiếp thu, giải trình Hội nghị Trung ương 10, Bộ Chính trị đã báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc chỉ đạo Chính phủ phối hợp với Quốc hội ban hành ngay trong Kỳ họp thứ 8 dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các dự án một luật sửa nhiều luật về quy hoạch, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu, tài chính, ngân sách nhà nước, tài sản công, dự trữ quốc gia...

Để kịp thời thể chế hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng hoàn thiện thể chế, pháp luật về đầu tư công, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển đất nước trong tình hình mới, việc ban hành Luật Đầu tư công là rất cần thiết.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý trên cơ sở kế thừa ưu điểm của Luật Đầu tư công năm 2019; khắc phục căn bản những khó khăn, hạn chế, vướng mắc, điểm nghẽn phát sinh trong quá trình thi hành Luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa trình tự, thủ tục; đồng bộ, thống nhất với quy định tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội mới được ban hành và luật hóa một số cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được áp dụng và phát huy hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý và sử dụng nguồn lực đầu tư công đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước đến năm 2030, năm 2045 và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại.

⁹ Báo cáo số 332/BC-BTP ngày 13/8/2024 của Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo về rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quan điểm

Tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ về sửa đổi, ban hành các chính sách, quy định về đầu tư công, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trong thời kỳ mới trên cơ sở bám sát 05 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Đầu tư công (sửa đổi) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua để quy phạm hóa tại dự thảo Luật. Theo đó, xác định **07** nhóm quan điểm lớn trong xây dựng Luật Đầu tư công (sửa đổi) như sau:

(1) Kế thừa, phát huy các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm tốt của Luật Đầu tư công năm 2019; thể chế hóa một số quy định để xử lý tình huống và cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù được Quốc hội cho phép áp dụng; tạo khuôn khổ pháp lý ổn định, khả thi, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất với các Luật, Nghị quyết mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung. Các chính sách mới được xem xét thận trọng, kỹ lưỡng trên cơ sở chỉ ra các tồn tại, hạn chế, làm rõ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn để đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp.

(2) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao sự linh hoạt, chủ động của các cấp, các ngành trong quản lý, thực hiện kế hoạch đầu tư công, chuyển đổi phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm, từ tư duy quản lý sang tư duy quản lý và kiến tạo cho sự phát triển. Đổi mới phân cấp, quy định rõ thẩm quyền đối với từng cấp, từng chủ thể quản lý thực hiện đầu tư công so với Luật hiện hành, nâng cao tính công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công.

(3) Cắt giảm, đơn giản hóa một số trình tự, thủ tục để rút ngắn thời gian triển khai, sớm hoàn thành, đưa dự án vào khai thác.

(4) Huy động năng lực quản lý, nguồn lực của các thành phần kinh tế trong thực hiện dự án đầu tư công.

(5) Thúc đẩy thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

(6) Tạo sự chủ động, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư dự án.

(7) Việc sửa đổi, bổ sung luật phải bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, đồng bộ với các luật khác có liên quan; bảo đảm nguyên tắc phân công, phối hợp kiểm soát quyền lực theo quy định của Hiến pháp, bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy trong quản lý đầu tư công. Sửa đổi, bổ sung, làm rõ các quy định chưa thực sự rõ ràng, còn cách hiểu khác nhau; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các Luật, Nghị quyết mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung (Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Hợp tác xã...) để tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức trong triển khai thực hiện, đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; bổ sung một số quy định cần thiết để tạo căn cứ pháp lý trong thực hiện.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Luật Đầu tư công năm 2024 gồm 07 chương, 103 điều (*giảm 01 chương và 02*

điều so với Luật Đầu tư công năm 2019), cụ thể như sau:

1. Chương I: Những quy định chung. Gồm 17 điều (từ Điều 01 đến Điều 17), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; (4) Giải thích từ ngữ; (5) Đối tượng đầu tư công; (6) Phân loại dự án đầu tư công; (7) Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công; (8) Tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia; (9) Tiêu chí phân loại dự án nhóm A; (10) Tiêu chí phân loại dự án nhóm B; (11) Tiêu chí phân loại dự án nhóm C; (12) Điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công; (13) Nguyên tắc quản lý đầu tư công; (14) Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư công; (15) Công khai, minh bạch trong đầu tư công; (16) Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công; (17) Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công.

2. Chương II: Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công. Gồm 31 điều (từ Điều 18 đến Điều 48), 02 mục, cụ thể:

- **Mục 1: Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.** Gồm 20 điều (từ Điều 18 đến Điều 37), quy định về: (1) Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; (2) Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; (3) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; (4) Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; (5) Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; (6) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ; (7) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; (8) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (9) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương; (10) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công do địa phương quản lý; (11) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp; (12) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do doanh nghiệp nhà nước quản lý; (13) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; (14) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trở lên; (15) Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ; (16) Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công; (17) Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A; (18) Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C; (19) Phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án; (20) Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư.

- **Mục 2: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.** Gồm 11 điều (từ Điều 38 đến Điều 48), quy định về: (1) Thẩm quyền quyết

định đầu tư chương trình, dự án; (2) Căn cứ lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án; (3) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; (4) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; (5) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư; (6) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; (7) Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và dự toán nhiệm vụ quy hoạch; (8) Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp; (9) Điều chỉnh chương trình, dự án; (10) Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; (11) Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án.

3. Chương III: Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công.

Gồm 14 điều (từ Điều 49 đến Điều 62), quy định về: (1) Phân loại kế hoạch đầu tư công; (2) Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; (3) Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; (4) Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; (5) Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; (6) Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án; (7) Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn; (8) Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm; (9) Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án; (10) Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và vốn thực hiện dự án; (11) Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước; (12) Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước; (13) Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án, dự kiến mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước; (14) Lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

4. Chương IV: Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn oda, vốn vay ưu đãi nước ngoài, quản lý kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn oda, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

Gồm 05 điều (từ Điều 63 đến Điều 67), quy định về: (1) Đề xuất chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; (2) Chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; (3) Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; (4) Trình tự, thủ tục dùng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; (5) Nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công; thời gian bố trí kế hoạch vốn; phương thức giải ngân đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

5. Chương V: Thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công. Gồm 13 điều (từ Điều 68 đến Điều 80), 02 mục, cụ thể:

- **Mục 1: Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.** Gồm 05 điều (từ Điều 68 đến Điều 72), quy định về: (1) Tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công; (2) Chấp hành kế hoạch đầu tư công; (3) Triển khai kế hoạch đầu tư công; (4) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công; (5) Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm.

- **Mục 2: Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.** Gồm 08 điều (từ Điều 73 đến Điều 80), quy định về: (1) Theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công; (2) Đánh giá kế hoạch đầu tư công; (3) Theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án; (4) Đánh giá chương trình, dự án; (5) Nội dung đánh giá chương trình, dự án; (6) Giám sát đầu tư của cộng đồng; (7) Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng; (8) Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án.

6. Chương VI: Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công, Gồm 21 điều (từ Điều 81 đến Điều 101), quy định về: (1) Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; (4) Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ; (5) Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (6) Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính; (7) Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan trung ương; (8) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp; (9) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (10) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; (11) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (12) Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất chủ trương đầu tư; (13) Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư; (14) Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư liên quan đến lập chương trình, dự án; (15) Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định đầu tư chương trình, dự án; (16) Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tư vấn thiết kế chương trình, dự án; (17) Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định chương trình, dự án; (18) Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án; (19) Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý chương trình, dự án; (20) Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo dõi, đánh giá và kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án; (21) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

7. Chương VII: Điều khoản thi hành. Gồm 02 điều (từ Điều 102 đến Điều 103), quy định về: (1) Hiệu lực thi hành; (2) Quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Kế thừa quy định Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư công năm 2024 quy định phạm vi điều chỉnh: Quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản

lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.

1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Kế thừa quy định Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư công năm 2024 quy định đối tượng áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

1.3. Áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (Điều 3)

Luật Đầu tư công năm 2024 tiếp tục kế thừa Luật Đầu tư năm 2019 và có sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Theo đó việc áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được quy định như sau:

(1) Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư công phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(2) Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

(3) Việc thực hiện chương trình, dự án đầu tư công tại nước ngoài tuân thủ quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế giữa bên Việt Nam với bên nước ngoài.

(4) Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.4. Giải thích từ ngữ (Điều 4)

Luật Đầu tư công năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung quy định giải thích **08** thuật ngữ được sử dụng trong Luật Đầu tư công để bảo đảm cách hiểu thống nhất và thể chế hóa các quy định đã được Quốc hội cho phép thực hiện như: Khái niệm bộ, cơ quan trung ương và địa phương được làm rõ, bao gồm cả Văn phòng Trung ương Đảng, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công do Nhà nước giao bằng văn bản (khoản 4)¹⁰; các loại hình chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (khoản

¹⁰ Nghị quyết số 112/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã giao Thủ tướng Chính phủ quyết định giao EVN là cơ quan quyết định đầu tư thực hiện Dự án cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho EVN để thực hiện dự án

5); đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (khoản 17); nhiệm vụ quy hoạch (khoản 21); nợ đọng xây dựng cơ bản (khoản 22); vốn đầu tư công bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương là vốn chi cho đầu tư công thuộc ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (khoản 24, 25, 26);...

Đồng thời, Luật Đầu tư công năm 2024 bổ sung khái niệm tại khoản 15: “*Dự án đầu tư công khẩn cấp là dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, thực hiện nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nhiệm vụ chính trị của quốc gia.*”

1.5. Đối tượng đầu tư công (Điều 5)

Luật Đầu tư công năm 2024 tiếp tục kế thừa Luật Đầu tư công năm 2019 quy định về đối tượng đầu tư công, đồng thời có sự chỉnh sửa quy định cụ thể rõ hơn nội dung đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (dự án BT) bằng tiền (khoản 4). Bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong “cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác” (khoản 6). Bổ sung quy định cho phép bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật có liên quan (khoản 7). Đồng thời quy định theo hướng mở về đối tượng đầu tư công là “Đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật có liên quan” (khoản 8). Theo đó đối tượng đầu tư công tại Điều 5 gồm **08** đối tượng, như sau:

(1) Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

(2) Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

(3) Đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.

4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn được cấp có thẩm

quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (dự án BT) bằng tiền.

(5) Đầu tư thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

(6) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(7) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(8) Đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.6. Phân loại dự án đầu tư công (Điều 6)

Luật Đầu tư công năm 2024 đã bổ sung căn cứ về mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công để thực hiện phân loại dự án đầu tư công ngoài căn cứ tính chất, dự án đầu tư công theo Luật Đầu tư công năm 2019. Đồng thời, quy định cho phép tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập đối với tất cả các nhóm dự án (bao gồm cả dự án nhóm B, C).

- *Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công* được phân loại như sau:

+ Dự án có cấu phần xây dựng là dự án sử dụng vốn đầu tư công để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

+ Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án sử dụng vốn đầu tư công để mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2024;

+ Trường hợp sử dụng vốn ngoài kế hoạch đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2024 được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- *Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công* được phân loại như sau:

+ Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo tiêu chí quy định.

+ Cấp có thẩm quyền khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C có quyền quyết định việc tách hoặc không tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án thành phần độc lập.

+ Dự án đầu tư công liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân nhóm theo ngành, lĩnh vực dự án căn cứ vào tỷ trọng vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức đầu tư dự án.

+ Dự án không thuộc các tiêu chí quy định tại các điều 8, 9, 10 và 11 Luật Đầu tư công năm 2024 được áp dụng tiêu chí phân loại theo tổng mức đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 9, khoản 4 Điều 10 và khoản 4 Điều 11 Luật Đầu tư công năm 2024.

1.7. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công (Điều 7)

Đây là một trong những nội dung mới của Luật Đầu tư công năm 2024 nhằm thể chế hoá các ngành, lĩnh vực đã được xác định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021-2025. Theo đó, ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công gồm **13** ngành, lĩnh vực:

- (1) Quốc phòng;
- (2) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;
- (3) Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp;
- (4) Khoa học, công nghệ;
- (5) Y tế, dân số và gia đình;
- (6) Văn hóa, thông tin;
- (7) Phát thanh, truyền hình, thông tấn;
- (8) Thể dục, thể thao;
- (9) Bảo vệ môi trường;
- (10) Các hoạt động kinh tế;
- (11) Hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội;
- (12) Bảo đảm xã hội;
- (13) Ngành, lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công.

1.8. Về tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B và nhóm C (Điều 8, 9, 10 và 11)

Luật Đầu tư công năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung các nội dung về nâng quy mô vốn đầu tư công của dự án quan trọng quốc gia từ 10.000 tỷ đồng lên 30.000 tỷ đồng; quy mô tổng mức đầu tư dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C nâng gấp 02 lần so với quy định Luật Đầu tư công năm 2019 (quy mô dự án nhóm A từ 2.300 tỷ đồng lên 4.600 tỷ đồng, từ 1.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng và từ 800 tỷ đồng lên 1.600 tỷ đồng đối với các lĩnh vực tương tự như Luật Đầu tư công năm 2019. Áp dụng tương tự với việc nâng quy mô dự án nhóm B và nhóm C).

Ngoài ra, Luật Đầu tư công năm 2024 không quy định tiêu chí phân loại dự án nhóm A là dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc trường hợp dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật. Các dự án này sẽ được phân loại theo các tiêu chí về quy mô và mức độ quan trọng theo quy định tại các Điều 8, 9, 10 và 11. Các dự án này có tính chuyên môn cao, chủ yếu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, yêu cầu mức độ bảo mật thông tin rất lớn. Do đó, quy định nêu trên sẽ giúp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ động trong việc xem xét và triển khai thực hiện dự án, bảo đảm yêu cầu về bảo mật thông tin.

1.9. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công (Điều 16)

Luật Đầu tư công năm 2024 đã bổ sung quy định chi phí lập, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án được sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư của dự án, nguồn chi thường xuyên, các nguồn vốn hợp pháp khác. Trường hợp sử dụng nguồn chi thường xuyên, các nguồn vốn hợp pháp khác, phải thực hiện quyết toán trong giá trị tổng mức đầu tư của dự án.

Luật Đầu tư công năm 2019 quy định vốn chuẩn bị đầu tư phải được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trong kế hoạch trung hạn và hằng năm từ nguồn chi đầu tư phát triển, cho nên chưa huy động được hết các nguồn lực và ảnh hưởng đến yêu cầu, tiến độ, tính sẵn sàng trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án. Do đó, Luật Đầu tư công năm 2024 quy định cho phép sử dụng nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để chuẩn bị đầu tư dự án.

Đồng thời, bổ sung quy định trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án được hạch toán và quyết toán theo quy định của Chính phủ.

1.10. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công (Điều 17)

Luật Đầu tư công năm 2024 quy định **11** hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công. So với Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư công năm 2024 đã bỏ nội dung về phạm vi, quy mô và thêm nội dung về địa điểm do nhiều công trình, dự án trong thực tế rất khó xác định phạm vi, quy mô của dự án; bất kỳ sự thay đổi về phạm vi, quy mô (*ví dụ điều chỉnh trong hạng mục công trình do yếu tố kỹ thuật, địa chất...*) đều phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Điều này làm tăng thời gian, chi phí, thủ tục để trong quá trình thực hiện dự án.

Đồng thời, bổ sung các hành vi liên quan đến quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án để cụ thể hoá, làm rõ quy định của Luật, tránh cách hiểu khác trong triển khai thực hiện; sửa đổi quy định hành vi bị nghiêm cấm về việc quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương chương trình, dự án không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (Chương II)

Kế thừa toàn bộ 06 điều theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 về hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (Điều 21), nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C (Điều 35), hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Điều 36), trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia (Điều 41), trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư (Điều 42), trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư (Điều 43), hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án (Điều 49).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

2.1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Điều 18):

Điều 18 sửa đổi theo hướng phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án từ Thủ tướng Chính phủ cho người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương và từ Hội đồng nhân dân cho Chủ tịch Ủy ban dân nhân cùng cấp như sau:

- Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do Bộ, cơ quan trung ương quản lý có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ trở lên (khoản 3). Phân cấp thẩm quyền cho người đứng đầu bộ, cơ quan Trung ương quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do cơ quan, tổ chức mình quản lý với quy mô vốn dưới 10.000 tỷ đồng (khoản 4).

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý; dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương các cấp, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hợp pháp của địa phương trên địa bàn tỉnh, dự án nhóm A thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ (khoản 5).

- Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý; dự án nhóm B, nhóm C thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;

- Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chủ quản.

- Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được phân cấp như đối với dự án sử dụng vốn trong nước.

2.2. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Điều 19):

- Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án gồm: (1) Phù hợp với chiến lược, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; (2) Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư; (3) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn; (4) Phù hợp với khả năng vay, trả nợ

công, nợ Chính phủ và nợ chính quyền địa phương; (5) Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

- Bổ sung quy định dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại không phải quyết định chủ trương đầu tư để rút ngắn thời gian phê duyệt, đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện, giúp đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án theo đúng cam kết của Chính phủ với nhà tài trợ, tránh giải ngân chậm trễ như hiện nay.

2.3. Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (Điều 22)

- Quy định chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đến cơ quan chủ trì thẩm tra.

- Không quy định nội dung thẩm tra về đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch có liên quan, quy hoạch khác có liên quan đến tài nguyên, phương án di dân, tái định canh, định cư đối với dự án quan trọng quốc gia đầu tư trong nước. Trong giai đoạn chủ trương đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chưa xác định các nội dung chi tiết so với giai đoạn quyết định đầu tư. Do vậy việc đánh giá phù hợp của chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trong giai đoạn chủ trương đầu tư cần được xem xét lại để đảm bảo tính khả thi. Đồng thời, để tránh trùng lặp với quy định nội dung thẩm tra về sự phù hợp với chiến lược, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2.4. Các nội dung chủ yếu của nghị quyết, quyết định của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án: Sửa đổi, bổ sung quy định về các nội dung chủ yếu quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (Điều 20); dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Điều 24); dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp (Điều 25); dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương (Điều 26); chương trình đầu tư công do địa phương quản lý (Điều 27); dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 28); dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do doanh nghiệp Nhà nước quản lý (Điều 29).

Các nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên (Điều 30), dự án thực hiện trên địa bàn 02 đơn vị

hành chính cấp huyện, cấp xã trở lên (Điều 31), Luật dẫn chiếu đến quy định tại Điều 25 về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp, Điều 28 về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp.

So với Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư công năm 2024 đã quy định rõ nội dung chủ yếu trong quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công. Đối với chương trình đầu tư công, Luật Đầu tư công năm 2024 đã bỏ nội dung về quy mô, bổ sung nội dung về phạm vi để phù hợp với thực tiễn triển khai và tính chất, mức độ cụ thể của chương trình (là tập hợp các dự án, nhiệm vụ, nên rất khó xác định quy mô, dễ vướng mắc và phải điều chỉnh trong thực hiện).

2.5. Cho phép ngoài các đối tượng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thêm đối tượng là Ban Quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Bổ sung các Điều 24, 25, 26, 27 và 28 quy định người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao đơn vị trực thuộc, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Nhiều địa phương kiến nghị cho phép giao Ban Quản lý dự án trực thuộc (không phải cơ quan chuyên môn) lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Đây là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong xây dựng, triển khai dự án.

Do đó, có thể bổ sung quy định các đối tượng nêu trên được lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; quá trình thẩm định và trách nhiệm của các bên liên quan đã được quy định chặt chẽ trong Luật, giúp hạn chế rủi ro thiếu khách quan trong việc lập báo cáo.

2.6. Về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Sửa đổi theo hướng cắt giảm thủ tục thực hiện việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Điều 24), dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp (Điều 25), dự án nhóm A nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương (Điều 26), chương trình đầu tư công do địa phương quản lý (Điều 27), dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 28), dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do doanh nghiệp Nhà nước quản lý (Điều 29).

Đồng thời, sửa đổi Điều 37 theo hướng quy định cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án bảo đảm phù hợp với nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong phạm vi tổng số vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau hoặc các nguồn

vốn hợp pháp khác được cấp có thẩm quyền thông báo, bao gồm cả phần vốn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 99 của Luật Đầu tư công năm 2024 để đồng bộ với các nội dung sửa đổi nêu trên.

2.7. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 28): Đây là quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2024 để đồng bộ với quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân các như đã nêu trên.

2.8. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do doanh nghiệp nhà nước quản lý (Điều 29): Đây là quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2024 để đồng bộ với quy định doanh nghiệp cơ quan chủ quản thực hiện dự án đầu tư công.

Căn cứ văn bản của Thủ tướng Chính phủ về việc giao doanh nghiệp nhà nước là cơ quan chủ quản thực hiện dự án, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; chỉ đạo hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định.

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với quy định về quản trị doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2.9. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên (Điều 30):

Đây là quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2024 trên cơ sở mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng các chính sách đặc thù được Quốc hội cho phép áp dụng tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Các Nghị quyết này đã giao Thủ tướng Chính phủ giao một địa phương là cơ quan chủ quản thực hiện dự án trên địa bàn từ 02 địa phương trở lên; đã phát huy hiệu quả, giúp tăng tính chủ động, khai thác được nguồn lực, năng lực quản lý và thực hiện dự án của địa phương.

Các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan có trách nhiệm thống nhất phương án giao 01 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án, báo cáo

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chủ trương giao 01 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện. Trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được đề xuất là cơ quan chủ quản dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án.

Đồng thời, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2.10. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trở lên (Điều 31):

Đây là quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2024 trên cơ sở mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng các chính sách đặc thù được Quốc hội cho phép áp dụng tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Các quy định này bảo đảm đồng bộ với quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản.

Trường hợp dự án thực hiện địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên do Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chủ quản, các Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có trách nhiệm thống nhất phương án giao 01 Ủy ban nhân dân cấp huyện làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua chủ trương giao 01 Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chủ quản thực hiện dự án.

Trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện được đề xuất là cơ quan chủ quản dự án báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chủ quản thực hiện dự án.

Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chủ quản thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

Trường hợp dự án thực hiện địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 28 của Luật và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

2.11. Về nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư

công, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C (Điều 33, 34 và 35):

Luật Đầu tư công năm 2024 kế thừa quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, sửa đổi, làm rõ một số nội dung về dự kiến mục tiêu, thời gian thực hiện dự án, xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành, danh mục dự án thành phần.

2.12. Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư (Điều 37):

Kế thừa quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 theo hướng giao cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2024 quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được áp dụng theo trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư quy định.

Đồng thời, bổ sung quy định để làm rõ các trường hợp thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Trong đó, xác định rõ trường hợp thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nếu điều chỉnh chương trình, dự án phát sinh thay đổi về **mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư** chương trình, dự án so với nội dung tại chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Qua đó, để đồng bộ với quy định về hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công, cũng như để thống nhất, tránh cách hiểu khác nhau về các trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư.

2.13. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án (Điều 38):

- Phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài từ Thủ tướng Chính phủ cho người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do cấp tỉnh quản lý và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với dự án nhóm B, nhóm C.

- Bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính các cấp trở lên do Ủy ban nhân dân cùng cấp làm cơ quan chủ quản; thẩm quyền của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước quyết định đầu tư dự án đã được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty hoặc Hội đồng quản trị quyết định chủ trương đầu tư để đồng bộ với các quy định.

- Bổ sung quy định người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương có thẩm quyền căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, được giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư. Trường hợp không có Ban quản lý dự án hoặc có Ban quản lý dự án nhưng không đủ điều kiện thực hiện thì được giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản

lý làm chủ đầu tư. Quy định này để đồng bộ với quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Bổ sung quy định cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án quyết định đầu tư chương trình, dự án ngay sau khi chương trình, dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư và được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn. Qua đó, quy định trách nhiệm của cấp có thẩm quyền phải khẩn trương quyết định đầu tư chương trình, dự án để đưa vào kế hoạch hằng năm, thực hiện và giải ngân chương trình, dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

2.14. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị đầu tư dự án, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự toán nhiệm vụ quy hoạch (Điều 44):

Luật Đầu tư công năm 2024 đã tách riêng quy định về nội dung này (khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công năm 2019) thành một điều riêng, sửa đổi, bổ sung để đồng bộ với pháp luật về xây dựng, cụ thể: **(1)** trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo pháp luật về xây dựng; **(2)** trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án quan trọng quốc gia¹¹, dự án không có cấu phần xây dựng và nhiệm vụ quy hoạch thực hiện theo quy định.

2.15 Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp (Điều 45):

Sửa đổi, bổ sung theo hướng làm rõ quy định về việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp. Qua đó, tránh gây lúng túng cho các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện, phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng.

2.16. Điều chỉnh chương trình, dự án (Điều 46):

Kế thừa quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, sửa đổi, bổ sung đồng bộ với các nội dung sửa đổi liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (về thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án, điều chỉnh trong trường hợp thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn hoặc tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư).

3. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công (Chương III)

Kế thừa quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, đồng thời có sửa đổi, bổ

¹¹ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định: đối với dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công, việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

sung một số nội dung chính sau đây:

3.1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 51):

Kế thừa quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, bổ sung nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài phù hợp với định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài của từng thời kỳ để thu hút, thúc đẩy giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Bổ sung nguyên tắc kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, ngoại trừ kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên được phê duyệt khi Kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa được phê duyệt để phù hợp với thực tiễn các mốc thời gian trình Quốc hội phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn. Trong giai đoạn 2021-2025, ngày 28/7/2021 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; trong khi năm 2020, ngày 12/11/2021 Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 128/2020/QH14 về dự toán NSNN năm 2021 và ngày 13/11/2021 đã ban hành Nghị quyết số 129/2020/QH14 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021, trong hai Nghị quyết nêu trên Quốc hội đã quyết định Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2021.

3.2. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (Điều 52 và Điều 53):

Kế thừa Luật Đầu tư công năm 2019 và có chỉnh sửa nội dung danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án báo cáo cấp có thẩm quyền là danh mục dự kiến và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án.

3.3. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án (Điều 54):

- Kế thừa Luật Đầu tư công năm 2019, sửa đổi thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công trên cơ sở luật hóa quy định về thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội¹²; đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

¹² Khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

(đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước hạn dự án PPP được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền).

- Bổ sung nguyên tắc ưu tiên phân bổ vốn thứ nhất là cho các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia để bảo đảm tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án lớn, nhất là đường cao tốc, các tuyến đường sắt kết nối với Trung Quốc, đường sắt cao tốc Bắc – Nam... và các công trình, dự án quan trọng quốc gia khác, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng đến năm 2030.

- Trên cơ sở đánh giá giữa kỳ về tình hình triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn, Quốc hội cho ý kiến việc sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định phân bổ dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ, dự án, đối tượng đầu tư công khác khi bảo đảm nguồn vốn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định phân bổ dự phòng chung của kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý khi bảo đảm nguồn vốn...

3.4. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm (Điều 56):

Sửa đổi, bổ sung điều kiện về dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại; chương trình, dự án, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan; nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán để đồng bộ với các quy định về nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

3.5. Thời hạn bố trí vốn thực hiện dự án (Điều 57):

Đây là Điều mới, được tách riêng từ quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 để làm rõ các quy định về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án.

- Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội; dự án nhóm A không quá 06 năm, dự án nhóm B không quá 04 năm, dự án nhóm C không quá 03 năm. Quy định này tương tự như quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, nhưng với quy mô của dự án tăng lên đối với cả dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C như đã nêu ở

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.”.

trên, về bản chất thì đã rút ngắn thời gian thực hiện và giải ngân vốn của dự án, phù hợp với năng lực thi công mới của doanh nghiệp, nền kinh tế.

- Trường hợp không đáp ứng thời hạn bố trí vốn theo quy định, việc gia hạn thời gian bố trí vốn như sau: Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định; Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm; Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm. Trường hợp dự án đã gia hạn theo quy định mà phải tiếp tục gia hạn, cơ quan chủ quản dự án kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách trung ương; Ủy ban nhân dân kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách địa phương.

- Bổ sung quy định đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại để đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại để đầu tư quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động, hiệu quả sử dụng nguồn vốn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3.6. Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và vốn thực hiện dự án (Điều 58):

Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí để lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án. Vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được bố trí để lập, công bố quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch và công bố quy hoạch điều chỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch. Vốn thực hiện dự án được bố trí để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án, tổ chức thi công và thực hiện các công việc khác theo quyết định phê duyệt dự án.

So với quy định Luật Đầu tư công năm 2019, Điều 58 đã bổ sung quy định vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí để lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

3.7. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước (Điều 59 và Điều 60):

02 Điều 59, 60 được xây dựng trên cơ sở lồng ghép các Điều 55 và Điều 60 Luật Đầu tư công năm 2019 về kế hoạch đầu tư công trung hạn, Điều 56 và Điều 61 Luật Đầu tư công năm 2019 về kế hoạch đầu tư công hằng năm; theo đó đã đơn giản hóa trình tự, thủ tục lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3.8. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án, dự kiến mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước (Điều 61):

Điều 61 đã bổ sung quy định đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với khả năng và tiến độ hoàn thành thủ tục đầu tư, đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đáp ứng với các yêu cầu của nhà tài trợ nước ngoài. Phản ánh tính chất đặc thù của nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài là việc thực hiện phụ thuộc nhiều vào việc đàm phán, ký kết, thủ tục, điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài.

4. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, quản lý kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài (Chương IV)

Đây là chương mới của Luật Đầu tư công năm 2024, được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, luật hóa các quy định tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023), sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa trình tự, thủ tục trong xây dựng, thực hiện kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, phù hợp với tính chất đặc thù của nguồn vốn này¹³ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh việc thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

Các dự án sử dụng vốn nước ngoài có đặc thù đồng thời tuân thủ quy định trong nước (Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước...) và quy định của Nhà tài trợ thông qua điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn vay khung và cụ thể.

Bên cạnh đó, để thuận lợi trong việc xây dựng, thực hiện các bước đối với các dự án sử dụng vốn nước ngoài, cũng như việc tra cứu thì việc xây dựng chương riêng là cần thiết, tạo cơ sở pháp lý tổng thể, đầy đủ các trình tự, thủ tục đối với dự án sử dụng vốn nước ngoài, tạo thuận lợi cho việc áp dụng luật. Các nội dung này đã nhận

¹³ Như phương thức, hình thức sử dụng vốn, điều kiện và thủ tục tài trợ, phê duyệt, đàm phán, ký kết hiệp định tài trợ, quy trình, thủ tục giải ngân, đóng hiệp định tài trợ...

được sự đồng thuận, nhất trí rất cao của các Nhà tài trợ, đối tác phát triển, là cơ sở để nghiên cứu, rà soát và hài hòa thủ tục giữa hai bên trong việc tiếp nhận vốn nước ngoài.

5. Thực hiện và theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, giám sát kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công (Chương V)

Kế thừa toàn bộ 10 điều của quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 về Chấp hành kế hoạch đầu tư công (Điều 72), Triển khai kế hoạch đầu tư công (Điều 73), Theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công (Điều 76), Đánh giá kế hoạch đầu tư công (Điều 77), Đánh giá chương trình, dự án (Điều 79, Nội dung đánh giá chương trình, dự án (Điều 80), Giám sát đầu tư của cộng đồng (Điều 81), Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng (Điều 82), Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án (Điều 83), Thanh tra đầu tư công (Điều 84).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

5.1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công (Điều 71):

Sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp thẩm quyền: **(1)** từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn đã được Quốc hội quyết định, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp gần nhất; **(2)** từ Hội đồng nhân dân các cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn ngân sách địa phương giữa các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn do cấp mình quản lý trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

5.2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư hằng năm (Điều 72):

Quy định này được xây dựng trên cơ sở kế thừa Luật Đầu tư công năm 2019 và bổ sung quy định đối với việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. Cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định trường hợp được cấp có thẩm quyền bổ sung vốn cho bộ, cơ quan trung ương, địa phương sau ngày 30 tháng 9 năm kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được bổ sung đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau. Qua đó, để đồng bộ với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 64 Luật NSNN về việc các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 thực hiện dự toán được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

- Bổ sung quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm trên cơ sở luật hóa các trường hợp quy định khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công¹⁴, bổ sung quy định về các trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch; các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm linh hoạt trong triển khai thực hiện.

- Bổ sung quy định: **(1)** người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp mình quản lý; **(2)** người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của đơn vị mình quản lý, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Ủy ban nhân dân chủ quản.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công (Chương VI)

Kế thừa toàn bộ 11 điều của quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 về Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ (Điều 87), Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp (Điều 92), Nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 96), Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất chủ trương đầu tư (Điều 97), Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư liên quan đến lập chương trình, dự án (Điều 99), Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định kế hoạch, chương trình, dự án (Điều 102), Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án (Điều 103), Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý chương trình, dự án (Điều 104), Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo dõi, đánh giá và kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án (Điều 105), Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công (Điều 106), Xử lý vi phạm (Điều 107).

Các quy định còn lại kế thừa quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, đồng

¹⁴ Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định các trường hợp kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm như sau:

“a) Dự án quan trọng quốc gia;
b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;
c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;
d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;
đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;
e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;
g) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch.”

thời có sửa đổi, bổ sung để thống nhất về các thẩm quyền đã phân cấp và một số nội dung chính sau đây:

6.1. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 82) và Thủ tướng Chính phủ (Điều 84), bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các thẩm quyền được quy định.

6.2. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Điều 85): Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

6.3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư (Điều 93): Sửa đổi, bổ sung để làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trong trường hợp chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp, như sau:

(1) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước theo từng nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương, trừ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

(2) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội.

(3) Đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

(4) Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn nước ngoài của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của cả nước.

(4) Bổ sung quy định trường hợp vượt quá mức 20% tại điểm **(i)** và **(iv)** nêu trên, cấp có thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp đối với vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý cho phép phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm không vượt quá mức 50% tương ứng với quy định tại điểm **(i)** và **(iv)** nêu trên. Qua đó, tạo sự chủ

động cho Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp trong triển khai thực hiện.

7. Điều khoản thi hành (Chương VII)

7.1. Hiệu lực thi hành (Điều 102)

(1) Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

(2) Đối với các địa phương thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù hoặc áp dụng mô hình chính quyền đô thị, thực hiện theo quy định của Luật này và Nghị quyết của Quốc hội. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và Nghị quyết của Quốc hội về cùng một vấn đề thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

(3) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 67 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15 như sau: “a) *Đã có quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp*”.

(4) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 như sau:

- Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 Điều 21 như sau: “9. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*”;

- Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 28 như sau: “7. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*”;

- Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 35 như sau: “4. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*”;

- Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 49 như sau: “6. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*”;

- Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 63 như sau: “4. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*”;

- Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 70 như sau: “4. *Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*”.

(4) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 như sau:

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 37 như sau: “b) *Dự án đầu tư công, dự án PPP không giới hạn tổng mức vốn đầu tư công, trừ dự án quy định tại điểm a khoản này,*

dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”;

- Bỏ cụm từ “và điểm d” tại điểm a khoản 1 Điều 12;
- Bãi bỏ điểm b khoản 5 Điều 9, điểm d khoản 3 Điều 11.

7.2. Quy định chuyển tiếp (Điều 103)

(1) Đối với chương trình, dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, đã được bố trí vốn nhưng chưa hoàn thành thì được tiếp tục thực hiện. Trường hợp điều chỉnh dự án thì thực hiện điều chỉnh dự án theo quy định của Luật này, không phải thực hiện việc quyết định hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi điều chỉnh dự án.

Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp điều chỉnh dự án, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền và chịu trách nhiệm điều chỉnh quyết định đầu tư, không phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

(2) Đối với các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc phân loại dự án áp dụng theo quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

(3) Chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, đã trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

(4) Đối với trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo phân cấp tại Luật này quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư thì Quốc hội quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

(5) Đối với các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà phải tiếp tục gia hạn thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 57 của Luật Đầu tư công năm 2024.

(6) Chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Chính phủ rà soát nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, UBKTTU, VP TU;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Thành viên HĐPHPBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: NV1 (NPThúy).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG